

CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 2

CƯU-MA LA-THẬP

Cưu-ma La-thập dịch là Đồng Thọ. Ngài là người Thiên-trúc- Gia thế làm tướng quốc. Tổ phụ là người thành đạt cao nhưng thông dong không màng danh vọng trong nước. Cha là Cưu-ma Viêm là người thông minh có chí tiết, thừa tự ngôi vị tướng quốc, bèn từ bỏ mà đi xuất gia lên ngọn núi Thông lãnh ở Đông độ. Vua Quy Tư nghe nói ông bỗ vinh hoa thì rất kính mộ, tự lên nghinh thỉnh về làm Quốc sư. Vua có người em gái mới hai mươi tuổi, vốn thông minh tài tuệ, điều gì qua mắt đều thông hiểu, một lần nghe đều thuộc hết, lại có trên thân một nốt ruồi son sẽ sanh con tài trí. Các nước đem sính lễ tới hỏi nhưng bà không chịu, khi thấy Cưu-ma Viêm lòng liền ưa thích, mới bức làm chồng. Từ đó hoài thai La-thập. La-thập khi còn trong thai người mẹ tự biết thân ngộ thông suốt hơn ngày thường. Nghe nói chùa Tước-lợi-đại bậc danh đức rất nhiều, lại có tăng đắc đạo. Bà liền cùng quý nữ trong vương tộc cùng chư ni đức hạnh, trọn ngày thiết lễ cúng dường thánh pháp. Người mẹ hốt nhiên thông thuộc tiếng Thiên-trúc, những từ khó hỏi tự nhiên uyên bác. Mọi người đều khen ngợi. Có vị La-hán tên Đạt-ma Cù-sa nói: - đây là do hoài thai được trí tử.

Rồi Ngài nói mẹ Xá-lợi-phất lúc mang thai cũng tự nhiên thông minh như vậy. Sau khi ngài La-thập sanh ra thì mẹ không còn như trước. Không bao lâu người mẹ muốn xuất gia. Người chồng không cho. Sau đó bà sanh thêm người con trai nữa đặt tên là Phất-sa Đề-bà. Nhon một hôm ra khỏi thành chơi trông thấy nơi gò mả hoang xương cốt nằm vương vãi khắp nơi. Thấy vậy càng tư duy về gốc khổ nên nhất định thệ nguyện xuất gia, nếu không được thì không ăn uống. Cho đến đêm thứ sáu hơi thở gần dứt, sợ không đến sáng mai, người chồng bèn cho. Vì chưa cạo tóc nên không chịu dậy. Thế là bèn sai người cạo tóc rồi mới dậy ăn uống. Hôm sau thọ giới lại ưa thích thiền pháp, chuyên tinh

không giải đãi học đắc đến sơ quả. La-thập lên bảy tuổi cũng đều xuất gia. Theo thầy học kinh ngày tụng một vạn bài kệ, một kệ có ba mươi hai chữ gồm ba vạn hai ngàn chữ. Ngài tụng qua Tỳ-đàm thầy nói nghĩa tức liền thông thuộc. Người dân Quy Tư lúc bấy giờ, vì mẹ Ngài là em vua nên lợi dưỡng rất nhiều. Thế là bà dặt La-thập trốn đi. Năm đó La-thập lên chín tuổi. Ngài theo mẹ vượt qua sông Tân-đầu đến nước Kế Tân, gặp được Pháp sư danh đức là Bàn-đầu Đạt-đa tức là em vua Kế Tân, là người uyên bác lại có đại lượng, tài trí, bác thông ít có đương thời. Tam tạng chín bộ Ngài đều thông suốt. Từ sáng tới trưa tay viết ngàn bài kệ. Từ trưa đến tối cũng tụng ngàn bài kệ, là bậc danh sư nổi tiếng khắp các nước xa gần. La-thập đến gặp liền tôn trọng Ngài, lễ Ngài làm thầy theo học tạp tạng trung trường a-hàm gồm bốn trăm vạn lời. Đạt-đa thấy La-thập thông tuệ như vậy bèn tâu lên vua. Vua liền thỉnh vào cung, và cho tụ tập ngoại đạo lại để cùng vấn nạn. Cuộc luận nghị vừa bắt đầu, ngoại đạo xem thường Ngài tuổi nhỏ nhưng khi Ngài đem lý luận ra bẻ gãy, ngoại đạo thua lý xấu hổ không biết nói gì. Vua càng kính dị, bèn cúng dường cho Ngài các thứ vật thực như đã cúng cho ngoại đạo trước kia. Chư tăng ở chùa bèn sai năm đại tăng và mười Sa-di lo việc quét dọn giặt giũ như đệ tử, mới thấy Ngài được tôn sùng như thế. Đến năm mười hai tuổi người mẹ lại dặt trở về nước Quy Tư. Các nước đều đem lễ vật đến hỏi thăm và muốn trọng dụng, nhưng La-thập không thuận. Bấy giờ người mẹ đem ngài đến núi Nguyệt Thị bắc. Có vị La-hán lấy làm lạ, nói với người mẹ: phải nên giữ lấy vị sa-di này cho đến năm ba mươi lăm tuổi không được phá giới thì làm cho Phật pháp đại hưng độ, chúng sanh vô lượng cũng giống như Ưu-ba Cúc-đa vậy. Nếu giới pháp không hoàn toàn thì không được vậy, chỉ có thể làm bậc tài minh giữ chức Pháp sư mà thôi. La-thập đến nước Sa-lặc đảnh lễ bát Phật, trong tâm tự nghĩ: bát này quá lớn làm sao lại nhẹ vậy”.

Nghĩ thế thì bát trở nên nặng không thể bưng nổi bèn thất thanh hạ xuống. Mẹ hỏi ra bèn Vì tâm con có sự phân biệt cho nên bát có nặng nhẹ.

Ngài dừng lại Sa-lặc một năm, thông hết A-tỳ-đàm. Các phẩm tu trí trong thập môn đều học cả và thông đạt đến chỗ kỳ diệu. Lại đối với các câu hỏi lục tức không có điều gì ngăn ngại. Nước Sa-lặc có Sa-môn tam tạng tên là Hỷ Kiến, bạch với vua rằng: - vị sa-di này không thể xem thường. Vua nên thỉnh về để Ngài khai pháp môn sẽ có hai điều lợi ích: một là Sa-môn trong nước thấy xấu hổ tất sẽ nỗ lực tu, hai là vua Quy-tư thấy La-thập ở đây ắt sẽ đến hoà hiếu, tôn trọng

La-thập cũng sẽ tôn trọng ta. Vua ưng thuận, liền cho thiết bày đại hội mời La-thập thăng tòa thuyết pháp. Vua Quy-tư quả có đem lễ vật giao hiếu. Ngài La-thập khi rảnh rỗi liền tìm đọc các sách của ngoại đạo, lại khéo học về luận Vi-đà hàm-đa, hiểu rõ văn từ. Ngài làm các câu vấn đáp, lại thông lãm tứ Vệ-đà và các luận ngũ minh, âm dương tinh tú đều biết qua. Nói những lời kiết hung diệu đạt đều phù hợp. Tính lại thông thoáng không chấp vào tiểu tiết. Người tu có người nghi nhưng ngài La-thập tự biết tâm mình chưa từng trái ý. Bấy giờ có hai anh em là Vương tử Thảo Sa và Vương tử Tham Quân, bỏ việc quốc sự quyết chí làm Sa-môn. Người anh tự là Tu-lợi-da Đạt-đà, em là Tu-da-lợi Tô-ma. Tô-ma tài nghệ tuyệt luân chuyên đem pháp đại thừa để giáo hoá người. Người anh và các học giả đều tôn trọng. Ngài La-thập cũng kính phục, mời đến. Tô-ma thuyết kinh A-nậu-đạt cho La-thập nghe. Thập nghe các nhập ấm giới đều không vô tướng, lấy làm lạ hỏi:

- Kinh đây sao lại có nghĩa này, như thế sẽ phá hoại hết các pháp.

Đáp: - các pháp nhân nhĩ... chẳng phải là thất có. Thập đã chấp vào nhãn căn, như đó mà thành ra không thật. Thế là nghiên cứu cùng tận các kinh đại tiểu thừa lúc đó mới biết có chỗ sở quy, bèn chuyên tinh vào Phương đẳng rồi than rằng: ta xưa học tiểu thừa như người không biết vàng cho đá là diệu.

Như đó cùng rộng cầu nghĩa yếu thọ tụng hai bộ luận là Bách luận và Trung luận cùng mười hai môn. Không bao lâu lại theo mẹ đến nước Ôn Túc, tức nằm phía bắc nước Quy-tư.

Ở nước Ôn Túc có một đạo sĩ, thần biện luận thật anh tú, danh vang các cõi. Vị này tự thệ rằng: ai biện luận thắng ta sẽ tự chặt đầu.

Khi La-thập đến thì cả hai cùng biện luận tranh tài. Đạo sĩ đố kỵ lý cú đầu quy y. Thế là danh tiếng ngài La-thập vang xa ra ngoài khu vực các nước. Vua Quy Tư đích thân đến nước Ôn Túc đón Ngài trở về nước để rộng giảng kinh pháp, bốn phương đều tôn sùng quy kính.

Bấy giờ có một vị vương nữ xuất gia làm ni tên là A-kiệt-da Mạt-đế, rất thông suốt kinh tạng, hiểu sâu thiền yếu, cho rằng mình đã chứng nhị quả, nghe pháp thì lòng vui vẻ hẳn lên. Sau đó lại thiết lập đại hội thỉnh khai giảng kinh Phương đẳng. Ngài La-thập lại biện luận các pháp đều là không vô ngã, phân biệt các ấm giới giả danh phi thật. Bấy giờ trong hội thính ai cũng bị cảm, chỉ hận mình ngộ quá chậm.

Đến năm hai mươi tuổi Ngài thọ giới ở Vương cung, theo Tỳ-ma La-xoa học luật thập tụng. Không bao lâu lại theo mẹ về Thiên-trúc,

Ngài thưa với vua nước Quy Tư là Bạch Thuần rằng: nước sắp suy vua nên lánh đi. Khi đến Thiên-trúc ngài chứng tam quả. Người mẹ sắp lâm chung nói với La-thập: - kinh Phương đẳng sâu xa con nên truyền rộng sang Đông độ. Duy chỉ lực của con, chỉ vì tự thân không được lợi thì biết làm thế nào?

Ngài nói: đạo xuất thế lấy việc làm lợi cho người mà quên thân. Nếu có thể đem đại đạo lưu truyền rộng khắp thì thân này nhảy vào chảo lửa cũng không tiếc.

Thế rồi Ngài lưu lại nước Quy-tư, ở chùa Vu Tân, về sau dời vào chùa trong cung. Đầu tiên Ngài có được kinh Phóng Quang mới mở ra xem. Nhưng quỳ ám che văn chỉ thấy sách không, ngài La-thập biết nên phát nguyện càng kiên cố. Quỳ đi chữ lại hiện ra. Khi tụng đọc lại nghe trên hư không có tiếng nói: - ông là người trí sao lại đọc kinh này?

La-thập nói: người là tiểu quý thì nên tránh xa. Tâm ta như đất không thể lay chuyển.

Ngài dừng lại đó hai năm, rộng giảng các kinh luận đại thừa, thấu rõ chỗ bí áo. Vua nước Quy-tư, tạo toà sư tử vàng, bao bọc bằng lụa gấm, mời ngài La-thập lên đó thuyết pháp. Ngài nói: gia sư còn chưa ngộ đại thừa muốn đi du hóa khắp nơi không thể dừng lại lâu dài.

Không bao lâu Đại sư Bàn-đầu Đạt-đa đến, vua nói: - Đại sư vì sao lại đến đây?

Đáp: một là, nghe đệ tử có chỗ sở ngộ phi thường. Hai là, đại vương hoàng hoá Phật đạo. Cho nên không quản ngại xa xôi nguy hiểm tìm đến chốn này.

Ngài La-thập thấy thầy đến vui vẻ, xin thầy nói kinh Đức Nữ Vấn, rõ được như duyên không giả. Xưa cùng thầy đều có chỗ không tin, cho nên trước nói ra vậy.

Thầy bảo La-thập: - ông đối với Đại thừa thấy được dị tướng nào mà hướng theo?

Đáp: pháp đại thừa rất sâu xa thanh tịnh nói rõ các pháp là không, tiểu thừa nhiều hạn cuộc nơi lậu thất.

Thầy nói: ông nói tất cả đều không thật là đáng sợ. Vì sao bỏ hữu pháp mà chấp vào không. Như xưa có kẻ cuồng như nhờ thầy dạy cho xe chỉ thật nhỏ. Người thầy gia ý bảo xe nhỏ như vi trần. Cuồng như không hiểu, vị thầy giận dữ mới chỉ vào chỗ không bảo:

- Đây là chỉ nhuyễn. Cuồng nhân hỏi: sao không thấy? Thầy đáp: thợ khéo như ta còn không thấy huống gì là người khác.

Cuồng như vui mừng giao chỉ cho thầy. Thầy cũng nỗ lực để có

được lời khen thưởng mà thật không có vật gì. Pháp không của ông cũng giống đây vậy.

Ngài La-thập bèn trình bày rõ ràng ra. Qua lại khổ chí trải qua hơn một tháng, thầy mới tin phục và khen rằng: thầy không thể phản bác chí này, nghiệm ra là đây vậy.

Thế rồi lễ La-thập làm thầy và nói:

Hoà thượng là thầy đại thừa của ta. Ta là thầy tiểu thừa của hoà thượng.

Các xứ Tây đều phục tài trí của ngài La-thập, mỗi năm Ngài thuyết giảng kinh, các vua đều quỳ một bên nghe, đủ thấy sự kính trọng như thế. Ngài La-thập đem đại đạo truyền khắp xứ Tây vực, danh chấn cả Đông Xuyên. Bấy giờ Phù Kiên tiếm hiệu ở Quan Trung. Ngoại quốc có Tiền Bộ vương và vua Quy Tư đều đến triều cống. Khi ra mắt các vua nói với Kiên: Tây vực rất nhiều sản vật trân kỳ, xin dâng lên quý quốc để làm phụ thuộc. Năm Kiến Nguyên mười ba đời Phù Kiên, nhằm tháng giêng năm Đinh Sửu, - quan Thái sử tâu:

Thấy có sao mọc nơi hướng ngoại quốc, chắc là có bậc đại đức trí nhân đã vào Trung Quốc phụ trợ.

Kiên nói: trẫm nghe bên Tây vực có Sa-môn Cưu-ma La-thập. Tướng Dương có Sa-môn Thích Đạo An, chẳng phải là đây sao?

Vua liền cho sứ đi mời. Đến tháng 2 năm thứ bốn mươi bảy, có Tiền Bộ Vương, Thiện Bộ Vương v.v... lại nói Kiên xin đem binh Tây phạt. Tháng 9 năm thứ mười tám, Kiên sai Kiêu Kỵ tướng quân là Lữ Quang, Lăng Giang tướng quân Khương Phi đem Tiền Bộ Vương và Xa Sư Vương v.v... đem bảy vạn binh chinh phạt nước Quy Tư và các nước Ô Kỳ. Lúc sắp xuất phát, Phù Kiên tiễn Quang ở cung Kiến Chương và nói với Quang: phạm bậc đế vương nên theo ý trời mà trị, lấy sự yêu thương nhân dân làm căn bản, há vì tham đất đai mà chinh chiến sao? chính vì lòng mong muốn người biết đạo cho nên vậy.

Trẫm nghe bên Tây Vực có ngài L-thập uyên hiểu pháp tướng học, khéo việc âm dương làm tông yếu cho hậu học. Trẫm rất suy nghĩ việc đó. bậc hiền triết trong nước là đại bảo. Nếu chiếm nước Quy Tư, phải đưa La-thập về. Quân của Lữ Quang chưa đến nơi, Thập nói với vua Bạch Thuần nước Quy Tư rằng:

Vận nước sắp suy rồi, nên lo tính trước. Ngày đó nếu có người từ phương Đông đến nên cung đón thừa mang chớ có chống cự.

Bạch Thuần không theo mà lo nghinh chiến, Lữ Quang tàn phá nước Quy Tư, giết Bạch Thuần, lập em Thuần lên ngôi. Quang bắt được

La-thập chưa biết đó là bậc trí lượng, thấy còn trẻ tuổi bèn chê cười, sau đó cưỡng bức lấy vợ là con gái của vua Quy Tư, La-thập cự tuyệt không chịu. Lữ Quang nói:

- Tiết tháo đạo sĩ không qua được tiên phụ, sao lại cố từ?

Thế rồi ép La-thập uống rượu sau đó đưa vào mật thất. Ngài bị cưỡng bức phải phạm khí tiết. Lữ quang còn bắt ngài cưỡi trâu và ngựa dữ, muốn cho ngài bị té. La-thập nhấn nhục mặt không hề đổi sắc. Quang xấu hổ đành thôi.

Khi trở về Quang dừng quân dưới một ngọn núi, tướng sĩ đã nghỉ ngơi, Thập bảo: - không thể ở đây, sẽ có tai họa nên dời quân lên cao.

Quang không nghe, đến nửa đêm quả nhiên có mưa lớn, nước chảy xiết dâng cao đến mấy trượng. quân chết đến mấy ngàn. Quang mới lấy làm lạ hỏi thì Ngài bảo:

Đây là đất hung hiểm không nên lưu lại lâu, suy vận số ứng nên nói mau quay về, giữa đường ắt có đất lành có thể lưu lại. Quang nghe theo, về đến Lương châu nghe tin Phù Kiên đã bị Dao Trường hại. Quang kéo tam quân đến đóng ở thành Nam. Thế là tiếm hiệu ở Quan ngoại xưng là năm Thái An. Tháng giêng năm Thái An nguyên niên có trận gió to nổi lên. La-thập nói: Đây là ngọn gió bất tường, sẽ có gian phản. Nhưng không sao sẽ tự yên định.

Không bao lâu có Lương khiêm, Bành Quang liên tục làm phản, đều bị tiêu diệt. Cho đến năm Quang Long phi thứ hai có Trương Dạ, Lâm Tùng, Lô Thủy... và tòng đệ Mông Tồn làm phản, suy tôn thái thú Kiến Khang là Đoạn Nghiệp làm chủ. Quang sai thứ sử Tân Châu- thứ sử Thái Nguyên Công Toản, đem năm vạn binh đi thảo phạt. Đời luận về việc này gọi là Quân Ô hợp. Toản có uy thanh, thế lực tất sẽ toàn thắng. Quan hỏi Thập, Thập nói: Quán xét chuyển đi này chưa thấy có lợi.

Quả nhiên Toản bị bại trận đành lui quân về Hợp Lợi. Không bao lâu lại có Quách Hương làm loạn. Toản đem quân trở về đánh bại Quách Hương. Quang xem sách của Trương Tư thấy văn từ nhã nhặn ôn hoà, rất lấy làm thích, Tư bệnh, Quang hết lòng chạy chữa. Có đạo sĩ nước ngoài tên là La-xoa nói có thể trị hết bệnh Tư, Quang hoan hỷ ban ơn rất trọng. La-thập biết đạo sĩ dối trá bảo với Tư rằng: Đạo sĩ không thể trị hết bệnh, chỉ làm tổn kém, âm vận tuy ẩn mà việc này có thể thử.

Nói rồi Ngài dùng chỉ năm sắc kết thành dây, đốt thành tro rồi ném vào nước. Tro nểura khỏi nước hoàn lại thành dây thì bệnh không

thể bớt. Trong khoảnh khắc tro tụt lại thành dây như cũ- Đã vậy thì trị không công hiệu. Ít ngày sau thì Tư mất. Không bao lâu Quang lại mất. Còn lại Thiệu được kế vị, qua vài ngày thì con thứ của Quang lại giết Thiệu để lên ngôi, xưng hiệu là Hàm Ninh, năm Hàm Ninh thứ hai có con heo sanh con có ba đầu. Rồng xuất hiện bên giếng phía đông rồi đến nằm trước điện tới sáng thì mất. Toản cho là điềm tốt, gọi đại điện là điện Long Tường. Không bao lâu lại có rồng đen bay đến Cửu Cung Môn. Toản đổi Cửu cung môn thành Long hưng môn. La-thập tâu: Đây đều là loại tiếm long xuất ra từ loài heo yêu quái. Rồng là loại âm xuất nhập có lúc, mà nay thấy mấy lần đó là điều tai hoạ, tất sẽ có hạ như mưu biến loạn. Vua nên lo tu đức để trừ hoạ. Toản không nghe lại nói:

- Chém đầu Hồ nô.

Thập bảo: không thể chém đầu Hồ Nô, mà Hồ nô sẽ chém đầu người.

Lời nói đây ám chỉ mà Toản không hiểu. Em của Lữ Quang có con tên Triệu- Triệu hồi nhỏ tên tự Hồ Nô, sau quả nhiên Hồ Nô chém đầu Toản, lập anh là Long lên làm vua. Người bấy giờ mới nghiệm lời của Thập là đúng vậy.

Ngài La-thập ở lại kinh vài năm, cha con Lữ Quang đã không còn ý hoằng đạo, cho nên không thể tuyên hoá đạo mầu ở đây được.

Phù Kiên đã mất. Dao Trảng tiếm vị ở Quan Trung, cũng có tâm cầu thỉnh bậc cao danh thạc đức. Họ Lữ thấy ngài La-thập đa mưu túc trí sợ họ Diêu trọng dụng nên không cho đi, sau khi Dao Trảng mất, Dao Hưng lên nối ngôi lại cho người sang thỉnh Ngài. Tháng 3 năm Hồng Thỉ thứ 3 có cây sen mọc trong đình. Vườn Tiêu diêu hốt nhiên biến thành cỏ chỉ- Mọi người cho là điềm lành, sẽ có bậc trí như đến.

Đến tháng 5 Dao Hưng sai Lũng Tây cùng Thạc Đức đem binh đánh Lữ Long. Quân Long đại bại. Tháng 10 Long dâng biểu quy hàng. Lúc này mới cung đón ngài La-thập vào Quan Trung -Đến ngày 20 tháng 12 Ngài mới đến Trường An- Dao đãi Ngài theo lễ Quốc sư.

Từ khi Đại pháp truyền sang Đông độ bắt đầu từ Hán Minh Đế, trải qua các đời Ngụy, Tấn, kinh luận dần dần nhiều lên. Mà chư sư Thiên-trúc dịch ra phần nhiều đều trệ văn cách nghĩa- Dao Hưng tôn sùng Tam bảo, có chí giảng tập. Khi ngài La-thập đến, vua thỉnh Ngài ở gác Tây Minh và vườn Tiêu Dao để dịch kinh.

Ngài La-thập biết nhiều ngôn ngữ lại nghiên cứu sâu rộng, chuyển thành Hán ngữ rất lưu loát. Ngài xem qua các kinh cựu bản, nghĩa phần

nhiều đều sai lầm. Đây do người dịch trước không theo tôn chỉ, không tương ứng với văn Phạm. Thế là Dao Hưng khiến cho các vị Tăng Như, Tăng Bích, Tăng Thiên, Pháp Khâm, Đạo lưu, Đạo Hằng, Đạo Tiêu. v... gồm tám trăm vị đến học theo giáo với La-thập và cùng dịch đại phẩm. Ngài La-thập cầm phạm bốn, Hưng cầm kinh xưa để cùng so sánh-Khi tâm văn dị cựu nghĩa đều viên thông, tâm mọi người khen ngợi kính phục.

Vua Dao Hưng đem Phật đạo sâu xa, hành đạo chí thiện. Tín là bến bờ tốt đẹp đưa người ra khỏi bờ bến khổ sanh tử ở đời cho nên vua thác ý vào chín kinh du tâm vào 12 bộ, bèn trước cả tam thế luận, khai tỏ lý nhân quả. Từ hàng vương công trở xuống đều khâm phục noi theo. Các quan đại tướng quân, tả hữu tướng quân đều dốc lòng tin theo duyên nghiệp. Tất cả đều thỉnh Ngài ở lại chùa Đại ở Trường An giảng thuyết tân kinh. Ngài tiếp tục dịch các bộ như: tiểu phẩm Kim Cang Bát-nhã, Thập Trụ Pháp Hoa, Duy-ma Tư Ích, Thủ-lăng-nghiêm Trì Thế, Phật Tạng, Bồ-tát Tạng, Di Giáo, Bồ-đề, Vô Hạnh, Ha Dục, Tự Tại Vương nhân duyên, Quán tiểu Vô Lượng Thọ, Tân Hiền Kiếp Thiên kinh, Thiên pháp yếu, Thiên yếu giải, Di-lặc thành Phật, Di-lặc hạ sanh, Thập tụng luật, Thập tụng giới bốn, Bồ-tát giới bốn, Thích luận, Thành Thật, Thập trụ, Trung bách thập nhị môn luận ...gồm hơn ba trăm quyển. Tất cả đều hiển bày thần nguyên, phát sáng đến chỗ u chí. Bấy giờ hàng nghĩa sĩ ở trong bốn phương từ xa vạn lý đều cùng vân tập đến, trở thành một hội trường phiên dịch rộng lớn lâu dài đến nay vẫn còn tôn ngưỡng.

Ngài Long Quang Thích Đạo Sanh là bậc tuệ giải nhập vào chỗ huyền vi cấu thành văn ngoại. Mỗi khi dịch sợ lầm lộn đều vào Quan Trung thỉnh giáo. Lô Sơn Thích Tuệ Viễn học thông quán các kinh, là bậc đồng lương di hoá, mà vì đời nay cách Thánh lâu xa, nghĩa lý còn lâu chưa quyết, cũng tìm đến hỏi ngài La-thập những yếu lý sâu xa. Sa-môn mới vào đạo là Tăng Duệ là người tài đức cao minh, thường theo ngài La-thập truyền tả. Ngài vì Tăng Duệ mà luận về từ thể của Tây phương, lược giải những chỗ dị đồng rằng:

Nước Thiên-trúc, phong tục rất chú trọng văn chế. Các cung thương thể vận đều nhập vào chỗ thiện. Phàm triều bái bậc Quốc Vương tất có chỗ tán đức, thấy rõ nghi của Phật, dùng ngâm nga là quý. Trong phần kệ tụng của kinh đều là nghi thức vậy. Khi dịch từ Phạm ra Tần cũng làm mất đi chỗ văn vẻ hoa mỹ. Tuy đặc đại ý mà cách xa với văn thể, cữnh như nhai cơm cho người không chỉ mất đi chất vị, mà còn khiến

cho nôn mưa ra.

Ngài cũng từng làm bài tụng tặng Sa-môn Pháp Hoà:

*Núi tâm dưỡng minh đức
Lưu chảy vạn do-diên
Tiếng chim kêu đau thương
Trên ngô đồng côi cút
Thanh âm thấu cứu thiên*

Gồm có mười bài kệ, từ dụ đều như vậy. Ngài vốn yêu thích pháp Đại thừa, chí tôn ở nơi phu diễn rộng rãi, thường than rằng:

Ta nếu chấp bút viết A-tỳ-đàm Đại thừa thì Ca-chiên-diên tử chẳng thể so được. Nay ở đất Tần này có ít người thâm thúy. Triết lý ở đây sẽ luận ở chỗ nào.

Nghĩ vậy nên không viết ra. Duy chỉ vì Dao Hưng mà trước thu-ật hai quyển Thật tướng luận, cùng chú thích kinh Duy-ma, lời nói ra đều thành chương không có chỗ nào để san cải, từ ngữ rõ ràng đạt đến chỗ huyền ảo. Ngài La-thập là người thần tình tỏ sáng, thanh cao xuất quần, người ứng cơ lãnh hội đều dốc lòng. Tánh Ngài hơn hậu, lấy việc phiếm ái làm tâm, làm thiện trọn ngày không mệt mỏi. Vua Diêu thường nói với La-thập rằng: Đại sư thông minh siêu ngô khắp thiên hạ. Nếu một mai tạ thế, chẳng phải làm cho pháp chủng vô tự sao?

Thế là vua đem mười thể nữ, bức bách Ngài nhận lấy. Từ đó về sau không trụ trong tăng phường, biệt lập ra doanh sở, cung cấp mọi thứ đầy đủ. Mỗi khi đến giảng thuyết trước thường tự nói: Ví dụ như hoa sen sanh trong chốn bùn nhơ, chỉ hái hoa mà không đụng đến bùn. Ngày trước Ngài ở tại nước Quy Tư, theo học luật với ngài Tỳ-ma La-xoa. La-xoa sau vào Quan Trung. La-thập nghe tin rất vui mừng hết lòng cung kính thầy. Tỳ-ma chưa biết việc bức bách kia, hơn đó hỏi La-thập: ông ở đất Hán rất có trọng duyên - Đệ tử thọ pháp có được bao nhiêu? La-thập đáp: đất Hán này kinh luật chưa đầy đủ - Kinh mới và các bộ luận phần nhiều do tôi dịch ra. Ba ngàn đồ chúng đều thọ pháp của Thập. Chỉ do Thập này nghiệp duyên sâu nặng, cho nên không thọ lời dạy của thầy.

Lại có Bôi-độ Tỳ-kheo ở tại Bành Thành, nghe ngài L-thập ở Trường An, bèn than rằng: Ngài với ông cách biệt đã hơn ba trăm năm, tra ra thì chưa đến hạn kỳ, chắc đợi gặp ở đời sau vậy.

Ngày ngài La-thập sắp lâm chung, biết là tứ đại không ổn, tự mình nói ra ba câu thần chú, bảo đệ tử tụng để tự cứu. Khi sức khoẻ đã suy yếu, mới từ biệt chúng tăng rằng: Như chỗ ngô của pháp tướng tâm

chưa đạt đến chỗ kì diệu. Thương cho hậu thế chẳng biết làm sao? phàm chỗ kinh dịch hơn ba trăm quyển, còn một bộ thập tụng là chưa san định, còn các bản chỉ chắc không sai sót, xin chư vị tuyên dịch truyền lưu cho hậu thế. Nay ở trước chúng phát nguyện thành thật: Nếu chỗ kinh dịch không có sai lầm xin khiến cho sau khi thiêu thân này lưỡi không bị cháy.

Đến ngày 20 tháng 8 năm Hoàng Thỉ thứ mười một, Ngài tịch ở Trường An, tức đời Tấn Nghĩa Hy năm thứ năm vậy, y vào Pháp Hoả thiêu như bên Thiên-trúc để trà tỳ thi thể Ngài tại vườn Tiêu Diêu. Thân bị thiêu cháy hết duy chỉ còn lại lưỡi. Sau có Sa-môn ngoại quốc đến nói rằng: Ngài La-thập sự hiểu của Ngài mười chỉ nói ra có một. Ngài tên là Cưu-ma-la Kỳ-bà. Xứ Thiên-trúc đặt tên phần nhiều lấy theo tên cha mẹ. Cha Ngài là Cưu-ma- viêm, mẹ tên là Kỳ-bà, gom chung lại đặt tên cho Ngài. Nhưng về ngày mất có chỗ ghi không đồng. Hoặc ghi năm Hoàng Thuỷ thứ bảy - Hoặc nói thứ tám. Hoặc ghi năm thứ mười một.

PHẮT-NHÃ ĐA-LA

Phất-nhã Đa-la dịch là Công Đức Hoa, là người nước Kế Tân vậy. Tuổi nhỏ xuất gia lấy giới tiết để tự xưng. Thông cả tam tạng mà chuyên vào Thập tụng luật bộ, làm sư tông ở Thiên-trúc. Người đời đều gọi là bậc Thánh quả. Trong đời Tần Hoàng Thỉ Ngài đến Quan Trung. Vua Dao Hưng đãi theo bậc thượng khách. Ngài La-thập cũng trọng giới phạm Ngài thâm hậu nên rất tôn kính. Trước đây kinh luật tuy được lưu truyền nhưng luật tạng chưa xiển dương. Mọi người đều biết Ngài khéo trì luật nên đều kính mộ. Ngày 17 tháng 10 năm Hoàng thỉ thứ sáu, chúng tập hợp nghĩa học tăng vài trăm vị ở chùa tại Trường An, thỉnh ngài Đa-la tụng Thập tụng bằng tiếng Phạm, ngài La-thập dịch ra Tấn ngữ. Ba phần đạt được hai thì Ngài thọ bệnh rồi mất. Đại chúng thấy đại nghiệp chưa thành mà tượng như đã ra đi nên rất tỏ lòng bi ai thương tiếc.

ĐÀM-MA LƯU-CHI

Đàm-ma Lưu-chi dịch là Pháp Lạc, là người xứ Tây Vực. Ngài bỏ tục xuất gia chuyên trì luật tạng. Mùa thu năm Hoàng thổ thứ bảy Ngài đến Trường An. Thấy ngài Phát-nhã tụng Thập tụng chưa xong đã tịch. Ngài Lô Sơn Tuệ Viễn nghe biết ngài khéo giải luật Tỳ-ni, đạt được chút ít cứu cánh luật bộ, bèn gửi thơ đến nói:

Phật giáo hưng khởi trước tiên ở thượng quốc, từ đó lưu truyền đến nay đã hơn bốn trăm năm. Sa-môn thiếu về giới luật cũng nhiều. Như đạo sĩ Tây Vực là ngài Phát-nhã Đa-la là người ở Kế Tân rất giỏi Thập tụng Phạm văn. Có ngài La-thập thông lãm bác học phiên dịch lại. Thập tụng dịch ra hơn quá nửa, ngài Đa-la lại thọ bệnh thị tịch nên đại nghiệp chưa thành. Thật đáng thương tiếc. Nghe nói như giả thông suốt các kinh luật, lòng những mong được gặp, âm vận đến há chỉ như sự mà thôi đâu? Tưởng đến việc hoàng đạo vì thời vật cảm mà phải động. Người đây khấu đầu kính lễ tất tình Ngài không nở tiếc. Nếu có thể vì đồ chúng luật học, hoàn tất bốn kinh này, khai thị Phạm hạnh để rửa tai này khiến cho đạo mầu không thất truyền, thắng nghiệp có ngày sáng tỏ. Ngài là bậc tuệ thâm đức dày, người thần đều cảm kích, may mắn được Ngài đáp lời không trái với bốn hoài, một hai tất chừ đạo nhưn sẽ đầy đủ.

Ngài Lưu-chi nhận được thư của vua và ngài Tuệ Viễn, bèn tìm đến Trường An dịch phần ngài La-thập tụng cho xong. Nghiên cứu thẩm định rõ ràng khúc khúc mà ngài La-thập còn hận chưa hoàn thiện. Ngài Lưu-chi đến ở chùa Trường An, Tuệ Quán muốn thỉnh Ngài xuống kinh sư. Chi nói: Đất kia có đủ pháp để lợi ích cho đời, tôi phải đi đến nơi luật học chưa có.

Thế rồi Ngài du hoá đến phương khác, không biết Ngài mất ở đâu.

TỖ- MA LA XOA

Tỳ-ma La-xoa dịch là Vô Cấu Nhân, người nước Kế Tân. Ngài là người trầm tĩnh có chí lực. Xuất gia lấy việc cần tu khổ hạnh làm nguyện. Trước Ngài ở tại Quy Tư xiển dương luật tạng. Ngài La-thập cũng có dự học. Khi nước Quy Tư bị đánh bại bèn tránh sang đất này. Không lâu sau ngài La-thập hoàng dương kinh tạng tại Trường An. Ngài

những muốn đem theo Tỳ-ni thắng pháp đến Đông độ cho nên tìm đến. Năm Tần Hoàng Thi thứ tám Ngài đến Quan Trung. Thập đái Người như tình thầy trò. Và khi ngài La-thập thị tịch, ngài liền xuất du qua vùng Quan tá, Ngài dừng lại ở Thọ Xuân nơi chùa Thạch Giảns. Luật chúng tụ tập lại, luật tỳ-ni càng hưng thịnh. Ngài La-thập dịch Thập tụng gồm năm mươi tám quyển. Lần tụng cuối cùng gọi là: thọ giới pháp và chư thành thiện Pháp sự, rồi theo yếu nghĩa mà gọi là Thiện Tụng. Ngài La-xoa sau khi đến Thạch Giảns, khai ra sáu mươi quyển. Lần tụng cuối cùng gọi là tỳ-ni tụng. Hai tên gọi này vẫn còn. Không bao lâu Ngài đi đến Giang Lăng ở chùa Tân. Mùa hạ khai giảng Thập tụng. Những ai đã thông thạo tiếng Hán đều khéo lãnh nạp, đương thời xiển dương vô tác diệu bốn. Người từ văn hiểu lý tụ lại học như rừng. Người hiểu điều biết cấm số cũng không đông. Đây là do sức hoàng dương luật tạng của ngài La-xoa. Tuệ Quán nơi đạo tràng hiểu rất sâu rộng các tôn chỉ. Trước tác của Ngài ghi chép về nội cấm khinh trọng tuyển ra được hai quyển, đều đưa về kinh sư. Tăng ni tu tập theo rồi cùng lưu truyền ra lúc này có câu ngạn ngữ nói:

Tỳ-la giới ngữ

Tuệ Quán khéo ghi.

Các Ngài là người khéo viết, xem giấy mực quý như ngọc. nay vẫn còn lưu hành ở đời, là pháp cho hậu sanh vậy.

Ngài La-xoa là người dưỡng đức hiểu nhân bỏ hết tục huyền náo. Mùa đông năm ấy Ngài lại trở về Thạch Giảns, Thọ Xuân và mất tại chùa này, hưởng thọ bảy mươi bảy tuổi. Mất Ngài màu xanh nên người bây giờ gọi Thanh nhãn Luật sư.

PHẬT-ĐÀ DA-XÁ

Phật-đà Da-xá đây dịch là Giác Minh, người Kế Tân, dòng dõi Bà-la- môn, gia đình theo ngoại đạo. Có một Sa-môn đến nhà khát thực. Người cha nổi giận bảo người đánh- Sau đó ông bị co quắp chân tay lại không thể đi được, bèn hỏi thầy bói.

Thầy nói: vi phạm vào thánh nhân quỷ thần khiến cho như vậy. Thế là gia đình liền đến thỉnh vị Sa-môn này sám hối, vài ngày sau thì hết bệnh. Như đó Da-xá xin xuất gia làm đệ tử, lúc này Ngài mới mười ba tuổi.

Da-xá thường theo thầy đi xa ở những nơi đồng trống gặp cạp. Thầy bảo tránh đi, Da-xá thưa: Hổ này đã no tất không ăn thịt người.

Một lúc thì hổ bỏ đi, ở phía trước quả nhiên thấy có thịt dư của hổ để lại. Người thầy thầm cho là kỳ dị. Năm Da-xá mười lăm tuổi, tụng kinh ngày đến hai ba vạn lời. Khi ở chùa thường ra ngoài làm việc nên phớt bỏ việc tụng đọc. Có vị L-hán thấy Ngài thông tuệ, thường khát thực về cho Ngài. Đến năm mười chín tuổi Ngài tụng kinh Đại tiểu thừa, số cả trăm vạn lời. Nhưng tánh độ cao ngạo, do tri kiến mà tự kiêu, cho rằng ít kẻ nào có thể làm thầy mình cho nên không được chúng tăng kính trọng, nhưng chỉ dùng sự khéo léo để mà đàm tiếu nên người biết mà quên cả hạn. Năm tiến giới không cho lên đàn. Thế nên khi tuổi đã lớn vẫn còn là Sa-di.

Ngài theo cật học, các luận ngũ minh, các học thuật thế gian đều luận tập. Năm hai mươi bảy tuổi Ngài mới thọ cụ túc. Thường lấy việc đọc tụng làm nguyện hạnh, tay không rời kinh điển. Mỗi khi ngồi yên lặng suy nghĩ còn nói là không biết những việc hư giả ở đời. Ngài chuyên tinh đến như thế. Sau đến nước Sa-lặc, quốc vương nước này thỉnh ba ngàn tăng, Da-xá cũng có dự. Lúc ấy thái tử Đạt-ma Phát-đa, đây dịch là Pháp tử. Thấy ngài Da-xá dung phục đoan nhã, hỏi Ngài từ đâu đến. Da-xá đối đáp trôi chảy. Thái tử vui vẻ lưu lại nội cung cúng dường, tiếp đãi thật trọng hậu, sau lại thọ học với ngài nên càng tôn kính Da-xá. Sau đó La-thập theo mẹ trở về nước Quy Tư, Da-xá vẫn lưu lại. Không bao lâu vua chết, thái tử lên ngôi. Bấy giờ Phù Kiên sai Lữ Quang chinh phạt Quy-tư. Vua Quy-tư cầu cứu Sa-lặc. Vua Sa-lặc tự xuất binh cứu viện, uỷ thác thái tử lại cho ngài Da-xá. Cứu binh chưa đến mà vua nước Quy Tư đã bại trận, vua quay về nói với ngài rằng La-thập đã bị Lữ Quang bắt rồi. Ngài Da-xá than: Ta và La-thập gặp nhau tuy lâu, mà hoài bão chưa tận. Bỗng nhiên ngăn trở biết bao giờ gặp lại.

Ngài dừng lại đó hơn mười năm. Rồi Ngài đi về hướng Đông nước Quy Tư. Ở đây việc hoằng hoá rất mạnh. Bấy giờ ngài La-thập ở Cô Tạng có gửi thư đến mời. Ngài muốn đi nhưng trong nước giữ lại. Năm sau lại bảo đệ tử: Ta muốn đến chỗ La-thập có thể ban đêm trốn đi chớ để cho người biết.

Đệ tử thưa: - Sợ sáng mai có người biết được đuổi theo bắt trở lại thôi.

Ngài Da-xá bèn lấy một bát nước trong ném một viên thuốc vào đó chú nguyện rồi cùng đệ tử rửa chân. Đêm đó trốn đi đến sáng đi được vài lý thì hỏi đệ tử rằng: Cảm giác như thế nào?

Đáp: Duy chỉ nghe tiếng gió thổi nhanh, khiến cho nước mắt chảy ra. Ngài liền dùng thần chú rửa chân dừng lại nghỉ. Sáng hôm sau người trong nước truy đuổi, nhưng Ngài đã đi xa không còn theo kịp. Khi Ngài đến Cô Tạng thì La-thập đã vào Trường An. Nghe vua Dao Hưng bắt ngài La-thập lấy thê thiếp, Ngài than rằng: - La-thập như lụa đẹp, sao lại bỏ vào rừng gai.

Ngài La-thập nghe tin ngài Da-xá đã đến Cô Tạng, Ngài khuyên vua Dao Hưng hãy mời về Trường An. Nhưng Vua chưa nghe theo, nhưng không bao lâu vâng lệnh vua dịch kinh, ngài La-thập nói: phàm người hoàng tuyên pháp giáo thì phải có tài thông suốt văn nghĩa. Bản đạo tuy thông văn tự, nhưng chưa thấu suốt lý kinh. Duy có Phật-đà Da-xá là người đã thâm đạt nghĩa lý sâu xa vi huyền. Hiện nay Ngài vẫn còn ở Cô Tạng, xin bệ hạ hãy thỉnh rước về Trường An.

Vua ưng thuận sai sứ đi thỉnh Ngài về và ban tặng lễ vật rất thâm hậu. Ngài không nhận lễ vật chỉ cười nói: chiếu chỉ đã ban xuống thì phải tuân theo. Nhà vua đãi kẻ sĩ thâm hậu, nhưng nếu không có ngài La-thập ở đó thì cũng không dám vâng mạng. Sứ về tâu lại. Sau đó Ngài đến Trường An. Vua Dao Hưng đích thân thăm hỏi sắp đặt cho Ngài biệt trụ tại vườn Tiêu Diêu, tứ sự cúng dường. Nhưng Ngài không thọ nhận, Ngài chỉ ăn một lần mà thôi.

Khi ấy ngài La-thập dịch Thập Trụ Kinh, hơn một tháng vẫn còn do dự mà chưa dám thảo bút. Ngài Da-xá đến, cả hai cùng thảo luận quyết định nghĩa lý đạo tục hơn ba ngàn người đều khen ngợi. Ngài Da-xá có râu mép đỏ, khéo diễn giải luận Tỳ-bà-sa, cho nên người đời gọi ngài là "Xích tư Tỳ-bà-sa". Ngài là thầy của ngài La-thập nên chúng cũng gọi là Đại Tỳ-bà-sa. Tuy được tứ sự cúng dường, y bát ngoạ cụ đầy cả ba gian nhà mà Ngài vẫn không màng tới - Thấy vậy vua sai người đổi hết các vật này, đổi lấy tiền đem về xây chùa ở phía Nam Thành Trường An cho Ngài cư trú.

Trước kia Dao Sảng có thỉnh Ngài tụng bộ luật Đàm Vô Đức, gồm hơn năm ngàn lời- Vua Dao Hưng nghi có chỗ sai lầm nên bảo Ngài tụng lại _ Suốt hai ngày vua tìm trong bản văn mà không thấy một chỗ sai lầm, nên càng kính phục trí nhớ của Ngài.

Năm Hoằng thỉ thứ mười hai (bốn trăm mười) Ngài dịch Tứ phần luật gồm bốn mươi bốn quyển cùng với kinh trường A-hàm...Sa-môn Trúc Phật Niệm ở Lương châu dịch ra Tần Văn, Sa-môn Đạo Hàm ghi chép.

Đến năm thứ mười lăm thì Ngài ngưng thuyết giảng, dịch kinh rồi

từ biệt trở về cố quốc. Vua ban tặng cả ngàn xấp lụa, Ngài đều không nhận. Ngài Đạo Hàm và Phật Niệm cũng đem cúng cho Ngài ngàn xấp lụa. Hơn năm trăm Sa-môn danh đức cũng dâng cúng Ngài nhiều lễ vật.

Sau khi trở về nước, Ngài có được quyển kinh Hư không Tạng, đều gửi cho khách buôn đem đến cho chư Tăng ở Lương châu. Sau không biết Ngài mất ở đâu.

PHẬT-ĐÀ BẠT-ĐÀ-LA

Phật-đà Bạt-đà-la dịch là Giác Hiền- vốn dòng họ Thích-ca, người nước Ca-duy La-vệ con cháu Cam Lồ Phạn vương. Tổ phụ là Đạt-ma Đề-bà, dịch là Pháp Thiên, thường sang Bắc Thiên-trúc buôn bán, nhưn đó mà di cư sang ở đó. Cha là Đạt-ma Tu-da-lợi, đây dịch là Pháp Nhật, mất sớm. Ngài lúc ba tuổi mồ côi cha, năm tuổi lại mồ côi mẹ, được người trong dòng họ nuôi dưỡng.

Tổ Cưu-bà-lợi thấy Bạt-đà-la thông minh mẫn tiệp nên đem về cho xuất gia làm Sa-di. Đến năm mười bảy tuổi cùng với vài người bạn đồng học lấy việc tụng kinh làm hạnh nguyện. Đại chúng học thuộc các bài kinh kệ trong vòng một tháng, nhưng ngài Giác Hiền chỉ trong một ngày là thuộc lòng. Vị thầy khen rằng: - Giác Hiền trong một ngày đối lại với ba mươi người vậy.

Thọ giới Cụ túc xong, Ngài càng tinh tấn tu thiền định và giới luật. Ngài học rộng thông đạt các kinh điển. Ngài cùng bạn học là Tăng-già Đạt-đa sang du học tại nước Kế Tân. Tuy đồng lứa tuổi mà Đạt-đa lại rất kính phục tài trí của Giác Hiền, mà vẫn chưa biết ngài thế nào. Một lần đóng cửa mật thất ngồi thiền, chợt thấy ngài Giác Hiền, kinh ngạc liền hỏi từ đâu đến. Ngài đáp:- Tôi vừa lên cung trời Đâu-suất lễ lạy Bồ-tát Di-lặc về.

Nói xong thì ngài Giác Hiền liền biến mất. Sa-môn Tăng-già Đạt-đa mới biết Ngài là bậc thánh nhưn hoá thân, nhưng chưa biết quả vị sâu cạn. Sau này vì thường thấy những điều thần biến của Ngài, Tăng-già hỏi mới biết ngài Giác Hiền chứng quả Bất Hoàn.

Ngài thường đi chu du giáo hoá khắp nơi để hoằng pháp và xem phong tục các miền, gặp Sa-môn Trí Nghiêm người Hán sang nước Kế Tân. Trí Nghiêm thấy chúng Tăng ở đây thanh tịnh, liền muốn thỉnh

mời về Trung Quốc. Nên nói: chúng tăng ở nước chúng tôi đều có tâm cầu Phật pháp mà chưa gặp được các bậc đạo sư chơn chánh, nên chưa lãnh hội được chánh pháp.

Ngài Trí Nghiêm thăm hỏi dân chúng trong nước rằng ai là người có đủ oai đức đạo hạnh để hoàng pháp ở Đông độ. Mọi người đều nói: có Sa-môn Phật-đà Bạt-đà-la, Người thành N-ha-lợi ở Thiên-trúc. Gia thế nhiều đời tin phụng Phật pháp. Tuổi nhỏ xuất gia, tinh thông kinh luận, lại từng thọ nghiệp với đại Thiên sư Phật Đại Tiên cũng bảo Trí Nghiêm: - Người có khả năng tuyên dương Phật pháp và làm cho tăng chúng Đông độ được cảm hoá, chỉ có Phật-đà Bạt-đà-la.

Do Trí Nghiêm thành tâm thỉnh cầu, Ngài bằng lòng sang hoàng pháp tại Trung thổ. Lễ bái từ tạ ân sư và đại chúng đi sang Đông độ. Sau ba năm trải ra mấy lần nóng lạnh, Ngài vượt qua ngọn Thông lãnh, du hành vượt bao núi sông sa mạc, qua sáu quốc gia. Quốc vương các nơi đều có cúng dường thâm hậu khi biết được trí nguyện hoàng dương Phật pháp của Ngài. Khi đến Giao Chỉ Ngài lại lên thuyền, khi đi qua một hòn đảo, Ngài bảo chủ thuyền.

Có thể dừng lại nơi hòn đảo này.

Chủ thuyền nói: hành khách tiếc thời gian, thuyền lại đang thuận gió không thể dừng lại.

Đi được hơn hai trăm dặm, chợt gặp trận dông bão thổi thuyền trở lại hòn đảo đó. Mọi người trên thuyền mới biết sự thần biến của Ngài, đều cúng dường tôn kính. Sau đó gặp gió thuận, chủ thuyền định cho thuyền chạy, Ngài bảo:

Không thể chạy.

Chủ thuyền cho dừng lại, không bao lâu có tin đến bảo các thuyền đi trước đã bị chìm hết. Đêm kia, Ngài bảo chủ thuyền nên khởi hành nhưng ông không nghe. Ngài Giác Hiền tự trương buồm, cho thuyền chạy ra khơi. Bỗng chốc bọn hải tặc đến cướp bóc làm hại những chiếc thuyền còn lại. Không bao lâu thuyền đến Thanh châu ở quận Lai. Nghe tin ngài La-thập đã đến Trường An, ngài tức tốc đến đó bái kiến. Gặp ngài Đà-la, Ngài La-thập rất vui mừng, rồi cùng đàm luận về pháp tướng, những chỗ huyền vi phần nhiều cùng sở ngộ. Ngài hỏi Ngài La-thập rằng:

Chỗ giải thích kinh điển của ông chẳng phải khác lạ, mà được nổi danh là sao?

Ngài La-thập đáp: - Tôi có duyên với họ nên được vậy, chứ không thật xứng với danh xưng.

Mỗi khi có điều nghi ngờ, ngài La-thập đều thảo luận với Ngài. Một hôm Thái tử Dao Hoàng thỉnh Ngài đến thuyết pháp, bèn mời chúng tăng đến đông đủ tại Đông cung. Hai ngài La-thập và Giác Hiền cùng thảo luận ua lại. Ngài La-thập hỏi:

Pháp không là gì?

- Đáp: các cực vi hợp thành sắc, sắc không có tự tánh. Cho nên sắc là thường không

Lại hỏi: - đã dùng cực vi phá sắc không, lại nói làm sao mà phá cực vi.

Đáp: - các thầy thường phá một cực vi. Ý tôi thì không cho như vậy.

Lại hỏi: cực vi là thường sao?

Đáp: vì một cực vi cho nên nhiều cực vi là không - vì có các cực vi cho nên một cực vi là không.

Khi đó Sa-môn Bảo Vân dịch ra lời này mà không giải thích ý. Cho nên tăng tục đều cho ngài Giác Hiền chấp cho vi trần là thường.

Ít lâu sau tăng chúng ở Trường An thỉnh Ngài giải thích, Ngài bảo: - phàm các pháp đều không có tự sanh, duyên hợp cho nên sanh. Duyên vào một vi trần cho nên có các vi trần. Vi trần không có tự tánh thì đều là không vậy. Sao có thể nói không phá một vi trần thường mà là bất không sao?

Đây là những đại ý của những lời hỏi đáp vậy.

Vua Dao Hưng chuyên tâm vào việc chấn hưng đại pháp, cúng dường hơn ba ngàn vị tăng, các vị thường qua lại cung khuyết, làm các việc như sự. Duy có ngài Giác Hiền an phận tĩnh tu, sống đạm bạc không đồng với chúng. Có lần Ngài bảo với đệ tử rằng:

Ta thấy có năm chiếc thuyền từ quê hương xuất phát rồi sẽ đến đây.

Chúng đệ tử truyền báo lời này ra ngoài, tăng chúng ở Quan Trung đều cho lời này là hiển dị mê hoặc chúng. Ngài ở tại Trường An hoằng tuyên thiên pháp, chư thiên gia ở các phương đều nghe danh tìm đến. Nhưng người nhiệm học có sâu cạn, người đắc pháp có cao thấp. Do đó mà đồ chúng đối trá giả danh Ngài mà làm những điều xằng bậy. Có một đệ tử như có chút quán hạnh, tự nói mình đã chứng quả A-na-hàm mà chưa được Ngài chứng nghiệm. Điều này đưa đến sự huỷ báng Ngài không ngớt. Đồ chúng của Ngài vì lo hoạ lây nên bỏ trốn chỉ trong nửa ngày mà ly tán gần hết. Nhưng Ngài vẫn ung dung mà không chút động tâm. Lúc này có các vị tăng như Tăng Bích, Đạo Hằng nói với

Ngài rằng: Phật còn không nói mình đã đắc pháp. Trước đã nói có năm thuyền đến là điều không thật. Nay môn đồ Ngài lại làm điên đảo mê hoặc lòng chúng, như vậy là trái với lý của luật nên đi chỗ khác chớ lưu lại đây.

Ngài bảo: - thân ta nhỏ bé tầm thường, đi ở đều dễ dàng, chỉ tiếc hoài bão hoàng pháp chưa thành tựu.

Ngài cùng với bốn mươi đệ tử như Tuệ Quán v.v... rời khỏi Trường An, thần trí đều ung dung tự tại không hề biến khác.

Những người hiểu biết đều thương tiếc, đến đưa tiễn cả ngàn người. Vua Dao Hưng nghe Ngài đi lòng rất thương tiếc, bèn nói với Đạo Hằng:

Ngài Giác Hiền vì trọng trách hoàng dương Phật pháp mà đến Trung thổ. Lời dạy của Ngài ai cũng tán dương cảm kích. Há vì một lời lầm lẫn mà làm cho mất đi một đấng tôn sư.

Vua cho sứ đuổi theo thỉnh cầu Ngài trở lại, Ngài bảo với sứ giả: - Ta rõ ân tình của vua, nhưng không thể tuân theo lệnh. Ngài dẫn tăng chúng đi vào Nam đến núi Lô Sơn, Sa-môn Tuệ Viễn lâu nay từng nghe danh Ngài nên vui mừng tiếp rước. Ngài Tuệ Viễn biết là do lỗi của các môn đồ mà ngài Giác Hiền bị huỷ báng. Nói về năm chiếc thuyền sẽ đến Trung thổ chỉ là ý cá nhân chứ không phạm vào giới luật. Do đó ngài Tuệ Viễn bảo đệ tử đem thư đến cho vua và tăng chúng ở Quan Trung để nói rõ việc này. Rồi thỉnh Ngài về núi để phiên dịch kinh điển thiền pháp. Nhưng chí ngài Giác Hiền là muốn du hoá, không mong cầu an cư, nên chỉ dừng lại vài năm rồi lại đi qua vùng Giang Lăng ở miền Tây. Trên đường gặp một chiếc thuyền ngoại quốc, hỏi thăm thì quả là có năm chiếc thuyền từ Thiên-trúc sang. Không bao lâu hàng sĩ thứ ở Giang Lăng đều tìm đến lễ bái cúng dường. Nhưng ngài không thọ nhận các phẩm vật, đến bữa Ngài chỉ mang bình bát đi khát thực mà không phân biệt giàu nghèo.

Lúc này có Viên Báo ở Trần quận là quan trưởng sử thái úy của Tống Vũ Đế, kéo quân đến Giang Lăng. Ngài Giác Hiền cùng đệ tử là Tuệ Quán đến dinh thự của Viên Báo đi khát thực.

Viên Báo vì chưa tin kính Phật pháp nên đối đãi tệ bạc. An chưa no Ngài và Tuệ Quán đứng dậy cáo từ.

Viên Báo nói: chưa ăn xong sao lại cáo từ? Ngài bảo: đàn việt cúng thí tâm có hạn. Nhưng ta đã dùng hết thức ăn rồi.

Viên Báo liền kêu người dọn thêm, cơm quả nhiên đã hết. Viên Báo cảm thấy thật xấu hổ, sau đó hỏi Tuệ Quán:

Vị Sa-môn này là người thế nào?

Tuệ Quán đáp: ngài là vị đức lượng cao xa hàng phàm phu không thể hiểu nổi.

Viên Báo cảm kích thần dị của Ngài nên thưa với thái thú Lưu Dự, Lưu Dự bèn sai thỉnh Ngài đến.

Lưu Dự cung kính cúng dường chu đáo, sau đó Lưu Dự trở về kinh đô mời Ngài theo về Trường An, cư trú ở chùa Đạo Tràng, nghi dung mô phạm của Ngài đều khác phàm nhân mà chí nguyện cũng thanh cao hoà nhã và uyên thâm. Pháp sư Tăng Bất và sa-môn Bảo Lâm ở kinh đô thường nói:

Ngài Giác Hiền ở Đạo Tràng có đại tâm thật giống như một vị vua ở Thiên Trúc thật là người phong lưu”. Mọi người đều tôn xưng ngài như thế. Trước kia Sa-môn Chi Pháp Lãnh ở tại Vu Điền thỉnh được phần trước kinh Hoa Nghiêm có ba mươi sáu ngàn bài kệ chưa dịch ra. Đến năm Nghĩa hy thứ mười bốn (bốn trăm mười tám), quan nội sử Ngô quân là Mạnh Tiên, tả vệ quân Trử Thúc Độ, liền cầu thỉnh Ngài phiên dịch. Ngài cùng với các Sa-môn Pháp Nghiệp, Tuệ Nghiêm hơn một trăm vị, ở chùa Đạo Tràng cùng phiên dịch thuyên định văn chương yếu chỉ, thông cả Hoa Phạm, đặc được diệu ý của kinh. Cho nên ở chùa Đạo Tràng còn gọi là Điện đường Hoa Nghiêm.

Lại có Sa-môn Pháp Hiền ở bên Tây Vực có được quyển Tăng-kỳ luật bằng tiếng Phạm, cũng thỉnh Ngài dịch ra Tấn văn. Trước sau kinh điển Ngài dịch gồm: Quán Phật Tam-muội Hải sáu quyển kinh Niết-bàn, Tu hành phương tiện luận v. v... tất cả là mười lăm bộ, một trăm mười quyển. Tất cả đều hợp với yếu chỉ kinh bốn, văn ý đều lưu loát rõ ràng.

Ngài mất vào năm Nguyên gia thứ sáu (bốn trăm hai mươi chín) thọ bảy mươi một tuổi.

ĐÀM VÔ SẮM

Đàm Vô Sấm hoặc gọi là Đàm Ma Sấm hoặc gọi là Đàm Vô Sấm. Bởi theo Phạm âm không đồng. Ngài người nước Trung Thiên-trúc. Sáu tuổi đã mồ cô cha, theo mẹ đi dệt vải các nơi để sinh sống, gặp được ngài Đạt-ma Da-xá (Pháp Minh) rất được chúng tăng kính trọng. Bà mẹ hâm mộ Ngài nên cho Vô Sấm theo làm đệ tử.

Năm mười tuổi Ngài cùng bạn đồng học tụng kinh chú rất là thông minh kiệt xuất. Tụng một ngày thuộc cả vạn lời của kinh Đại thừa sơ học, kiêm cả các luận ngũ minh. Các việc giảng thuyết đối đáp Ngài cũng rất lưu loát. Sau gặp Bạch Đầu Thiên sư, cùng luận nghị với Vô Sấm. Về học nghiệp đã khác, tranh luận được mười tuần (một trăm ngày) lời của Vô Sấm tuy sắt bén đúng lý mà Thiên sư không chịu thua. Vô Sấm rất bội phục tinh lý của Ngài, liền thưa:

Thiên sư có kinh điển gì, có thể cho tôi xem chăng?

Thiên sư đem kinh Niết-bàn được viết trên vỏ cây cho Vô Sấm xem- Sấm đọc xong hổ thẹn, cho mình lâu nay mê mờ không biết đến pháp đạo Đại thừa.

Từ đó Ngài vân tập đại chúng để cầu xin sám hối và phát nguyện chuyên học Đại thừa. Đến năm hai mươi tuổi Ngài tụng thuộc hơn hai trăm vạn chữ các kinh đại, tiểu thừa. Ngài có người anh chuyên huấn luyện voi cho vua. Một hôm con voi tai trắng của vua bị chết, vua nổi giận hạ lệnh giết chết, rồi ra chiếu chỉ: - ai dám nhìn sẽ tru di tam tộc. Thân tộc không ai dám đến, chỉ có ngài Vô Sấm khóc đem nhật thi thể về táng. Vua giận định giết, Ngài nói: Vua đem pháp lệnh mà giết anh tôi. Tôi theo mối quan hệ cốt nhục mà đem táng. Hành động đều không trái với đại nghĩa đâu có gì sai trái mà phải bức tức.

Thấy tâm chí thanh cao của Ngài, vua tha tội chết và lưu lại cung cúng dường. Ngài rất thông thạo chú thuật, thường hiển bày năng lực thần dị rất linh nghiệm. Người Tây Vực gọi Ngài là “Đại Chú sư”.

Một lần Ngài theo vua vào núi, vua khát nước sai người tìm mà không được. Ngài bèn tụng chú vào tảng đá làm nước vọt ra. Như đó Ngài tán thán: - Do ân đức của đại vương mà cảm đến hòn đá phun ra nước.

Các nước lân bang nghe chuyện đều khen ngợi công đức của vua. Lúc này mưa tuôn xuống khắp nơi làm cho dân chúng mừng vui ca tụng. Vua thấy đạo thuật của Ngài càng thêm ân sủng. Không bao lâu vua lại hậu bạc. Thấy vậy Ngài cáo từ đi đến Kế Tân, mang theo kinh Đại Niết-bàn gồm mười quyển và kinh Bồ-tát Giới v. v... nước này đều học theo Tiểu thừa, không tin Niết-bàn. Ngài lại đi đến nước Quy Tư, sau đó lại đến Cô Tạng - khi nghỉ tại một quán xá, sợ kinh bị thất lạc Ngài bỏ vào gối nằm. Khi ngủ Ngài thấy dường như có người xô xuống đất. Ngài kinh hãi tỉnh dậy cho là có trộm. Như thế trong ba đêm, ngài nghe trên hư không có tiếng nói: Đây là pháp tạng giải thoát của Như Lai, sao lại nằm trên đó.

Nghe vậy Ngài tỉnh ngộ sám hối cung kính đem để kinh trên cao-đêm đó có ăn trộm đến định lấy kinh điển nhưng nặng quá không kh-iêng nổi. Sáng hôm sau tỉnh dậy, Ngài mang kinh rời khỏi nơi đó. Thấy Ngài ung dung mang kinh, bọn trộm thấy vậy thì sửng sốt, cho Ngài là thánh nhơn, chạy đến lạy tạ.

Lúc này, Hà Tây vương Mông Tốn cát cứ vùng Đôn Hoàng tự xưng là vua. Nghe danh ngài Vô Sám thì mời đến tham kiến, tiếp đãi nồng hậu. Mông Tốn vốn tin phụng Phật pháp có chí muốn hoàng hoá, nên thỉnh Ngài dịch kinh. Nhưng Ngài chưa thông Hán ngữ nên không thể dịch. Thế là Ngài ở lại học tiếng Hán ba năm rồi mới phiên dịch phần đầu mười quyển.

Bấy giờ có Sa-môn Tuệ Cao, Đạo Lăng đến Hà Tây, gặp lúc Ngài đang dịch kinh nên cùng ở lại. Ngài dịch Phạm văn. Cao ghi chép. Hàng tăng tục mấy trăm người còn nghi ngờ chưa tỏ. Ngài Vô Sám bèn giải thích rõ ràng khúc chiết văn chương đối đảo, ý tứ cũng miên mật. Hai vị Cao, Lăng lại thỉnh Ngài dịch rộng các kinh. Kế đến dịch các bộ Đại Tập, Đại Vân, Bi Hoa, Địa Trì, Ưu-bà-tắc Giới, Kim Quang Minh, Hải Long Vương, Bồ-tát Giới v. v... hơn sáu mươi vạn từ.

Do vì Niết-bàn bốn phẩm số chưa đầy đủ nên trở về nước tìm, gặp lúc mẹ mất nên lưu lại cả năm. Sau đến Vu Điền tìm được phần trung kinh thì trở về Cô Tạng dịch tiếp. Rồi lại trở lại Vu Điền tìm được phần sau bộ kinh, Ngài tiếp tục dịch ba mươi ba quyển, dịch từ năm thứ ba Huyền Thỉ cho đến ngày 23 tháng 10 năm Huyền Thỉ thứ mười thì xong. Tức là năm Vĩnh Sơ thứ hai đời Tống Vũ Đế.

Ngài nói: kinh này theo Phạm bốn thì ba vạn năm ngàn bài kệ, ở đây còn thiếu trăm vạn lời, nay chỉ nói ra hơn một vạn bài kệ. Ngài cũng thường bảo với Mông Tốn: có quỷ vào tụ lạc, ắt sẽ có nhiều tai hoạ.

Tốn không tin, muốn thấy tận mắt, Ngài liền tụng chú gia trì, kh-iến cho quỷ hiện ra. Tốn nhìn thấy rất kinh hãi - Ngài nói:

Nên thành tâm chuyên trì trai giới rồi tụng thần chú thì quỷ mới bỏ đi.

Ngài tụng chú trong ba ngày rồi bảo với Mông Tốn: quỷ đã đi rồi.

Mông Tốn càng thêm kính phục Ngài. Từ đó trong nước được bình an. Đến năm Thừa Huyền thứ hai, Mông Tốn vượt sông Hoàng Hà chinh phạt nước Khất Phật Mộ Mạt. Có thái tử Hưng Quốc đi tiên phong nhưng bị đánh bại, Hưng Quốc bị bắt. Sau Khất Đột thất thủ. Mộ Mạt

cùng Hưng Quốc liên tục hiển hách, sau bị Thổ Cốc Hồn phá vỡ. Thái tử Hưng Quốc bị loạn quân giết. Mông Tồn giận dữ cho là phụng sự Phật pháp không có linh ứng. Từ đó bắt những Sa-môn dưới năm mươi tuổi phải hoàn tục. Mông Tồn trước kia có cho xây tượng của mẹ cao một trượng sáu bằng đá. Khi Mông Tồn ra lệnh như vậy thì tượng đá chợt rơi nước mắt. Vô Sấm lại dùng lời khuyên can, Mông Tồn từ từ cải tâm sám hối, bãi bỏ lệnh trên. Vì vậy Phật pháp nơi đây lại phát triển lại.

Thác Bạt Đảo ở Bắc Ngụy, nghe Ngài có đạo thuật nên cho sứ sang cung thỉnh Ngài, bảo Mông Tồn:

Nếu không cho thỉnh ngài Vô Sấm sẽ khởi binh đánh.

Nhưng Mông Tồn không nỡ lòng để Ngài đi. Bắc ngụy lại sai Bình công Lý Thuận mang lễ vật sang cầu xin Mông Tồn cho thỉnh Ngài và sắc cho Tồn làm sứ cầm tiết, thị trung đô đốc lương châu, Tây vực, thái truyền phiêu kỵ đại tướng quân coi việc quân, Mục Lương vương của Lương châu, lại thêm lễ cử tích và lệnh cho Tồn rằng: nghe đây có Pháp sư Đàm Vô Sấm, là bậc bác thông đa thức như ngài La-thập, lại giỏi về bí chú thần nghiệm như trũng công. Trẫm muốn thỉnh Ngài về bổn quốc để thuyết giảng Phật pháp, xin hãy thuận lòng.

Mông Tồn bày yến tiệc đãi sứ giả và nói:

Lão thần Tây Phiên Mông Tồn phụng sự triều đình Bắc Ngụy không dám trái nghịch, mà Thiên tử lại tin lời người nên đến bức bách tôi. Trước đã sai quan đến cầu ngài Vô Sấm, nay lại sai sứ sang nữa. Ngài Vô Sấm là bậc tôn sư nên chúng tôi cùng sống chết. Đời người sống chết như thế nào biết được bao lâu.

Lý Thuận nói: Vua tôi sai đem phẩm vật sang dâng tặng, là đã quý trọng quốc thể lắm. Sao ngài vì một vị tăng Thiên Trúc này mà bỏ đi công nghiệp bấy lâu sao? Chúa Thượng nên suy nghĩ kỹ. Vua tôi thật chí thành thật ý.

Mông Tồn nói: lời của ông xảo diệu chẳng khác nào như Tô Tần-chẳng phải là lời chân thật vậy.

Mông Tồn vì tiếc ngài Vô Sấm nên quyết không cho đi. Đến tháng 3 năm Nghĩa Hoà thứ ba, Ngài muốn trở về Tây Vực để thỉnh phần cuối kinh Niết-bàn. Mông Tồn giận Ngài muốn bỏ đi, bèn mật sai người ám sát. Khi sắp đi Ngài rơi lệ từ biệt chúng: - Nay nghiệp ta sắp đến, dù Thánh nhơn cũng không cứu được, nhưng vì bổn nguyện nên không thể ở lại.

Mông Tồn quả sai thích khách giết Ngài ở dọc đường. Ngài thọ bốn mươi chín tuổi, tức vào năm Nguyên Gia thứ mười.

Tin tức lan truyền, ai cũng đều thương xót. Sau này các quan tả hữu đều thấy giữa ban ngày quỷ mang gương đến đâm Tốn. Đến tháng 4 thì Mông Tốn bị bệnh chết.

Lúc Ngài mới đến Cô Tạng có Sa-môn Đạo Tấn ở Trường Tịch, muốn theo Ngài thọ Bồ tát giới. Ngài bảo: - Hãy sám hối bảy ngày bảy đêm, đến ngày thứ tám, Đạo Tấn đến cầu thọ giới- Vô Sám nổi giận. Đạo Tấn suy nghĩ: - Chắc tại ta nghiệp chướng chưa tiêu vậy.

Đạo Tấn lại dốc toàn tâm lực chuyên tinh Thiền định suốt ba năm liền, vừa Thiền vừa sám hối. Một đêm Đạo Tấn mơ thấy Phật Thích-ca cùng chư Bồ-tát đến ban cho giới pháp. Đêm đó có khoảng mười vị đều cảm mộng như vậy.

Hôm sau lại đến ngài Vô Sám cầu thọ giới. Thấy Đạo Tấn từ xa, Ngài nói:

- Lành thay! lành thay! ông đã cảm được giới rồi. Hôm nay ta sẽ tác chứng cho ông.

Ở trước bàn Phật, Ngài lần lượt thuyết giới tướng. Lại có Sa-môn Đạo Lăng, đêm hôm Đạo Tấn nằm mộng, Lăng cũng mộng như vậy.

Vì tự ty giới lập nên cầu làm pháp đệ của Đạo Tấn. Thế là có một ngàn vị cùng với Đạo Tấn có hơn một ngàn người theo Ngài thọ giới, pháp này truyền thọ cho đến ngày nay đều từ ngài Vô Sám mà ra.

Có lời biệt ký ghi rằng: kinh Bồ-tát Địa Trì do ngài y-bà truyền đến đây. Sau quả do ngài Vô Sám truyền dịch, nên có người cho Ngài không phải là phạm. Mông Tốn có người em tên An Dương hầu là người có chí mạnh mẽ. Ông tụng đọc nhiều kinh điển, và giữ năm giới cẩn mật - khi Ngài Vô Sám vào Hà Tây xiển dương Phật pháp, An Dương bèn xem kinh điển thọ năm giới.

Thuở nhỏ Ngài cầu pháp với Sa-môn Thiên Trúc là Phật-đà Tư-na ở chùa Cù-ma-đế tại nước Vu Điền. Tư-na vốn học Đại thừa, có thiên tài tú phát thông cả nửa ức bài kệ, lại thông suốt Thiền pháp, cho nên các nước Tây phương gọi Ngài là Nhơn trung Sư tử.

An Dương theo Ngài học Thiền bí yếu trị bệnh kinh. Sau này Ngài đến Cao Xương thỉnh được kinh Quán Âm và Di-lặc rồi trở về Hà Tây dịch bộ thiên yếu ra Tấn ngữ. Rồi khi nhà Ngụy đánh chiếm Tây Lương, ông lánh nạn sang Giang Nam và không giao tiếp với ai, chỉ tham quan các cảnh chùa chiền tự tháp. Đầu tiên ông dịch hai bộ kinh Quan Âm và Di-lặc. Sau sư cô Tuệ Tuấn ở chùa Trúc Viên lại thỉnh Ngài dịch Thiền kinh- An Dương thông cả Hán lẫn Phạm nên dịch kinh rất trôi chảy. Trong bảy ngày dịch ra năm quyển- không bao lâu lại đến chùa Định

Lâm ở Chung Sơn dịch kinh Phật phụ Bát-nê-hoàn kinh một quyển. An Dương cự tuyệt chuyện thê tử nô bộc, không muốn điều danh lợi, theo các pháp lữ tuyên thông chánh pháp, nên người người đều cảm kích. Sau bị bệnh rồi mất. Ngài Vô Sấm dịch ra các bộ kinh đến niên hiệu Nguyên Gia mới truyền đến Đạo Tràn, Kiến Nghiệp. Pháp sư Tuệ Quán chỉ muốn tìm phần cuối bộ kinh Niết-bàn, bèn tâu với Tống Thái Tổ tư cấp cho Sa-môn Đạo Phổ cùng mười vị sang Tây Vực thỉnh kinh về. Khi thuyền đến Quảng quận, thuyền bị sóng, Đạo Phổ bị thương nơi chân bị bệnh rồi mất. Lúc sắp lâm chung Ngài than: - Đất Tống không có duyên với kinh Niết-bàn phần sau.

Đạo Phổ vốn người Cao Xương, đi sang Tây Vực và chu du các nước, cúng dường tôn ảnh đánh lễ bát Phật, hình tượng dấu chân, tứ tháp đạo thọ, không đâu mà Ngài không chiêm ngưỡng. Ngài khéo về Phạm thư, giỏi ngôn ngữ nhiều nước, du hoá khắp nơi. Cuộc đời Ngài riêng có phần đại truyện. Bấy giờ ở Cao Xương lại có Sa-môn Pháp Thạnh, cũng đến các xứ ngoại quốc lập truyện, gồm có bốn quyển lại có Trúc Pháp Duy, Thích Tăng Biểu đem kinh đến nước Phật...